

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2018
V/v “Ly hôn, giao con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Đoan

2. Ông Nguyễn Chí Vương

- T ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– T ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên;

Ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 137/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn, giao con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: khu phố H, xã T, huyện Th, tỉnh Bình Dương;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp Q, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2018, bản tự khai, quá trình giải quyết tại tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 2012, chị D và anh T trước khi về chung sống với nhau đã có thời gian dài tìm hiểu nhau và tự nguyện về chung sống, không bị ép buộc hay lừa dối nào; anh chị có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; sau khi kết hôn thì anh chị sinh sống tại ấp Q, xã T, huyện H và hạnh phúc đến tháng 11/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T

không lo làm ăn, Tổng xuyên nhậu nhẹt về gây gỗ và đánh đập chị nên tháng 12/2014 chị và anh T không còn chung sống với nhau và ly thân cho đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục và đã ly thân nhau nên yêu cầu tòa án giải quyết để chị được ly hôn với anh T, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên: Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/7/2013, khi ly thân con chung đang được chị chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không hỏi thăm, chăm sóc con chung. Nay ly hôn Chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân cho Công ty S, thu nhập ổn định hơn 6.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung gì. Vợ chồng cũng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không đặt ra để Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện chị D đã cung cấp cho Tòa án bản chính giấy chứng nhận kết hôn để làm căn cứ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập anh T nhiều lần đến tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng anh T không hợp tác, không đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ việc mà không lý do; đến cuối tháng 4/2018 anh T đã đi khỏi địa phương mà không báo cho địa phương biết và tòa án biết, cũng không cung cấp địa chỉ nơi ở mới cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự và các thành phần tham gia tố tụng khác đúng theo quy định của pháp luật trong quá trình tố tụng; bị đơn không tham gia tố tụng là không thực hiện đúng theo quy định về sự có mặt của bị đơn nên từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa; do bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa, xác định tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh T mâu thuẫn trầm trọng, thể hiện anh chị đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, việc này cũng được địa phương xác nhận; mặt khác, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm việc và hòa giải để đoàn tụ gia đình thể hiện anh T không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị D nên căn cứ vào

khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên đề xuất Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D được ly hôn với anh T.

Về con chung: xét thấy yêu cầu của chị D được trực tiếp nuôi con chung; do con chung còn nhỏ, quá trình ly thân con chung đang được chị D trực tiếp nuôi dưỡng; quá trình giải quyết vụ án anh T không có mặt tại tòa án để làm việc nên không lấy được ý kiến của anh T, anh T đã đi khỏi địa phương mà không trình báo địa phương và không cung cấp địa chỉ cho tòa án xem như anh T cố tình dấu địa chỉ và từ bỏ quyền lợi của mình; chị D có công việc ổn định và đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh điều kiện nuôi con tại tòa án nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/7/2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: tại đơn kiện và tại phiên tòa chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, bị đơn có nơi cư trú tại ấp Q, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn T nhưng anh T không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải; cuối tháng 4/2018 anh T bỏ đi khỏi địa phương mà không báo với địa phương và không thông báo địa chỉ nơi cư trú cho Tòa án là cố tình che dấu địa chỉ, từ bỏ quyền của mình; tại phiên toàn hôm nay anh T cũng vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định của Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Căn cứ vào trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ thì xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh T là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt mà không lo làm ăn để lo cuộc sống gia đình, thể hiện tại biên bản xác minh ngày 17/5/2018 thì được ấp trưởng ấp Q nơi vợ chồng anh T, chị D sinh sống xác nhận; mặt khác anh T và chị D đã ly thân từ năm 2014 đến nay, thời gian ly thân dài mà không ai còn quan tâm nhau nữa; quá trình hòa giải tại tòa án để vợ chồng đoàn tụ anh T cũng không có mặt để hòa giải đoàn tụ và đã bỏ đi khỏi địa phương chứng tỏ anh T không còn quan tâm gì đến tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D và cũng không muốn hòa giải đoàn

tự. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh T của chị D là chính đáng, phù hợp với các quy định pháp luật nên cần chấp nhận để chị D ổn định cuộc sống sau này.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/7/2013; hiện nay con chung đang được chị D trực tiếp nuôi dưỡng ổn định; năm 2014 đến nay anh T và chị D ly thân nhau anh T không quan tâm gì đến con chung và hiện nay đã đi khỏi địa phương. Hơn nữa chị D làm công nhân cho công ty lương ổn định hơn 6.000.000 đồng/tháng (có cung cấp bảng lương cho tòa án) nên để đảm bảo về mọi mặt cho cháu T phát triển bình thường, ổn định học tập cần giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị D được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: nguyên đơn chị D không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị D về hôn nhân và con chung:

1. Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2013 cấp ngày 17/10/2013 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/7/2013 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng;

3. Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu nên không giải quyết;

4. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét, giải quyết;

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004596 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND H. H;
- Chi cục THADS H. H;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học